

## CHÚ GIẢI DẪN NHẬP

### 7. HỌC THUYẾT VỀ PHƯƠNG PHÁP CỦA NĂNG LỰC PHÁN ĐOÁN MỤC ĐÍCH LUẬN (§§79-91)

Chúng ta ôn lại: trong phần “Phân tích pháp về năng lực phán đoán mục đích luận” (§§62-68), Kant đã nghiên cứu các yếu tố của phán đoán mục đích luận. Rồi, trong “Biện chứng pháp của năng lực phán đoán mục đích luận” (§§69-78), ông thẩm tra yêu sách của các phán đoán này và nỗ lực lý giải mối quan hệ giữa những phán đoán mục đích luận với các giải thích nhân quả-cơ giới. Bây giờ, phần kết thúc của “Phê phán năng lực phán đoán mục đích luận” (cũng là phần kết thúc tác phẩm), – giống như bố cục quen thuộc của hai quyển Phê phán trước – là “*Học thuyết về phương pháp hay Phương pháp luận*” của năng lực phán đoán mục đích luận. Trong ấn bản lần thứ hai và thứ ba, Kant lại gọi phần này là “**Phụ lục**” (**Anhang**). Ta chưa hiểu lý do của việc làm ấy: ông xem phần này (dài một cách bất thường) là ít quan trọng hơn các phần trước, hay muốn nhấn mạnh đến tính độc lập tương đối của phần này vì nội dung khá đặc biệt của nó?

Thật thế, phần Học thuyết về phương pháp này mở ra một viễn tượng thật rộng lớn: nó thử tìm cách lý giải **bằng cách nào ta có thể dựa trên các kết quả phản tư của năng lực phán đoán để có một cái nhìn tổng quan về một hệ thống toàn bộ của tri thức**. Nỗ lực lý giải này tất nhiên là hết sức khó khăn, đầy mạo hiểm vì nếu không khéo sẽ dễ rơi vào lối tư duy tư biện mà ông luôn muốn tránh.

Đối với người đọc, khó khăn của phần này là ở chỗ Kant hầu như không còn tiếp tục khảo sát hoạt động của năng lực phán đoán trong lĩnh vực tương đối dễ theo dõi là việc góp phần xây dựng lý luận cho khoa sinh vật học (khái niệm về sinh thể hữu cơ), mà đã chuyển sang câu hỏi bao quát về tiềm lực và tầm quan trọng của năng lực phán đoán **phản tư** đối với việc xây dựng nhận thức nói chung và đối với định hướng cho cuộc sống của ta ở trong thế giới. Do mở rộng vấn đề như thế nên phần kết luận này đề cập đến hàng loạt chủ đề mới mẻ chưa từng được đề cập cho tới nay. Ông nói về các vấn đề của triết học thực hành, về Thần học, về triết học lịch sử; ông đề xuất ý kiến đáng chú ý về khái niệm **văn hóa** và sau cùng, thử sắp xếp các ngành triết học thành một hệ thống của tri thức.

Khuôn khổ của Chú giải dẫn nhập chỉ cho phép tóm lược một vài ý chính. Bạn đọc sẽ không thất vọng nếu tự mình chịu khó dành thời gian đọc kỹ phần này để hiểu được tinh túy của triết học Kant.

### 7.1 Đi tìm Tự nhiên như một hệ thống những mục đích

Phần đầu tiên của “Học thuyết về phương pháp” trở lại với cuộc thảo luận về ý nghĩa của mô tả mục đích luận trong các Khoa học tự nhiên. Đi vào chi tiết của một số học thuyết tiêu biểu về sự ra đời và tiếp tục sinh sản của những sinh thể hữu cơ (thuyết tiền lập, thuyết nội sinh...) (B375 và tiếp), Kant vạch rõ những chỗ yếu của cách giải thích mục đích luận so với cách giải thích nhân quả cơ giới.

Thái độ của Kant rất rõ ràng: cho dù ta không đủ sức giải đáp trực tiếp mọi câu hỏi của khoa học tự nhiên bằng cách giải thích nhân quả cơ giới, ta cũng nên hết sức thận trọng và **“sử dụng tối thiểu cái siêu nhiên”** (B378). Nhà khoa học phải tự đề phòng không để cho những suy diễn của mình ít hay nhiều trượt vào những sự tư biện tùy tiện.

Một mặt, đúng theo tinh thần của quyển *Phê phán lý tính thuần túy* trong việc phê phán Siêu hình học, Kant phân định rõ ranh giới giữa khoa học và tư duy tư biện. Nhưng mặt khác, ông không hề mong muốn quy giảm toàn bộ khái niệm nhận thức vào khái niệm nhận thức khoa học. Ông thấy rằng không phải mọi vấn đề quan trọng đối với con người chúng ta đều có thể được nêu lên và giải đáp thỏa đáng trong lĩnh vực nhận thức khoa học. Do đó, vượt ra khỏi lĩnh vực chuyên biệt của nhận thức luận về khoa học tự nhiên và cuộc thảo luận chung quanh việc mô tả mục đích luận về sinh thể hữu cơ, Kant đặt câu hỏi: liệu ta có thể nối kết những nhận thức riêng lẻ của ta về những đối tượng nhất định thành một tri thức về **toàn bộ Tự nhiên** hay không. Một tri thức như thế về Tự nhiên **xét như Hệ thống** là có thể suy tưởng được, nếu giả thiết ta có thể có cơ sở để hình thành một **trật tự** của Tự nhiên, bằng cách xây dựng một chuỗi tiến lên của những mục đích của Tự nhiên mà mắt xích sau cùng của nó được hiểu như “mục đích tối hậu” (letzter Zweck) và như “mục đích tự thân” (Endzweck) của sự Sáng tạo.

- Khác với nhiều hình thức phân loại khác nhau của “triết học tự nhiên” truyền thống đi từ những đối tượng tự nhiên vô cơ sang giới thực vật rồi động vật, Kant giới hạn rõ ràng cách suy nghĩ của mình: đây không phải là những khẳng định **khách quan** về trình tự của những đối tượng trong Tự nhiên mà như là **các phân tư** của năng lực phán đoán. Với tư cách ấy, các

phản tư này có ý nghĩa sâu xa cho việc suy tư của ta về Tự nhiên và về vị trí của con người ở trong Tự nhiên.

Nếu giả sử ta có khả năng nhận ra được một mục đích tối hậu hay một mục đích tự thân của Tự nhiên, ắt ta có thể đặt mọi mối quan hệ phức tạp của sản phẩm tự nhiên vào một sự liên kết, cùng hướng đến một điểm tối cao, qua đó có thể hình thành một hệ thống của những đối tượng riêng lẻ. Trong §82, Kant cho thấy ta có thể hình dung một thang bậc như thế ra sao:

“Khi nhìn vào thế giới thực vật (...) buộc ta phải hỏi: những sản vật ấy được tạo ra để làm gì? Nếu ta tự trả lời: để cho thế giới động vật được nuôi dưỡng và có thể lan tràn khắp mặt đất với biết bao giống loài, thì câu hỏi kế tiếp sẽ là: vậy, những động vật dinh dưỡng bằng thực vật sinh ra để làm gì? Ta trả lời đại loại: để cho loài thú săn mồi vì chúng chỉ quen ăn thịt! Sau cùng, ta đi đến câu hỏi: thú săn mồi lần toàn bộ các giới tự nhiên kể trên để làm gì? Để cho con người, với sử dụng đa dạng mà trí khôn đã dạy cho con người biết dùng tất cả những sản vật ấy! Con người là **mục đích tối hậu** của sự sáng tạo ở trên mặt đất, vì con người là hữu thể duy nhất có thể hình thành một khái niệm về các mục đích, và, nhờ có lý tính, có thể biến một sự hỗn độn của những sự vật được tạo ra một cách hợp mục đích thành **một hệ thống của những mục đích (System der Zwecke)**” (B382-383).

Như thế, **chính năng lực phán đoán phản tư có thể nói về con người như là mục đích tối hậu của Tự nhiên**. Nhưng, ta đừng quên rằng đây chỉ là phán đoán “phản tư”! Có nghĩa rằng: ta không nên hiểu việc bảo con người là mục đích tối hậu của Tự nhiên như thế toàn bộ sản phẩm tự nhiên đều chỉ là phương tiện cho việc thỏa mãn nhu cầu của con người. Thật ra, một việc thỏa mãn như thế không chút dễ dàng và con người cũng chẳng phải là một ngoại lệ trước sự đối xử dửng dưng, thậm chí tàn bạo của Tự nhiên! Kant nhắc đến nào là “bệnh dịch hạch, đói kém, thiên tai, ác thú...” và cả những gì do chính con người tạo ra (“sự áp bức của quyền lực thống trị, sự dã man của chiến tranh...”), thậm chí, con người rút cục đang mê muội làm công việc “hủy diệt chính giống loài mình” (B389-390 và tiếp). Nhưng, sở dĩ chỉ duy con người là mục đích tối hậu của Tự nhiên, vì, với tư cách là hữu thể có lý tính, con người **không chỉ** là một sản phẩm tự nhiên như những hữu thể tự nhiên khác. Trái lại, con người, trong chừng mực nào đó, có thể vượt ra khỏi Tự nhiên, vì có thể độc lập đề ra những mục đích. Điều quyết định là con người có năng lực “... sử dụng Tự nhiên như là phương tiện, phù hợp với các châm ngôn của các mục đích tự do nói chung của chính mình” (nt).

Vậy, không phải là sự tự cao tự đại khiến Kant xem con người như là đỉnh cao của sự Sáng tạo, mà do chỗ thấy rằng, khác với những giống loài khác, con người có một không gian hoạt động rộng lớn hơn để tổ chức cuộc sống và, trong mức độ nào đó, điều tiết hành động của mình một cách có ý thức. Kant cũng không quên nhắc tới những yếu kém của con người khi tự hậu khá xa so với những tiềm năng và khả thể của chính mình.

Bản tính tự nhiên riêng biệt của con người là có thể tự thiết kế cuộc sống của mình: “Việc tạo ra tính thích dụng của một hữu thể có lý tính hướng tới những mục đích tùy thích nói chung (do đó, là ở trong sự tự do của hữu thể ấy) chính là việc đào luyện văn hóa (Kultur). Vậy, chỉ duy có văn hóa mới có thể là mục đích tối hậu mà ta có cơ sở để quy cho Tự nhiên trong quan hệ với chúng loài người” (B391).

Đáng chú ý ở đây là Kant không đặt **Tự nhiên** và **Văn hóa** đối lập nhau như thường thấy, trái lại, ông sử dụng khái niệm văn hóa để biểu thị tố chất tự nhiên đặc thù của con người. Quan hệ giữa Tự nhiên và Văn hóa mới được đề cập ở đây sẽ được Kant đào sâu hơn trong các bài viết ngắn của ông về triết học lịch sử: ở đó, ta sẽ thấy ông đề ra Ý tưởng rằng bản thân sự phát triển lịch sử cũng tuân theo một “kế hoạch của Tự nhiên”.

## 7.2 Từ “mục đích tối hậu” đến “mục đích tự thân”

Với sự xác định con người như là “mục đích tối hậu” của Tự nhiên, năng lực phán đoán **phản tư** vẫn chưa đạt đến mục tiêu của mình. Kant đặt tiếp câu hỏi: vậy đâu là “mục đích tự thân” (Endzweck) của sự tồn tại của **thế giới**? Ông hiểu “mục đích tự thân” là một mục đích **không lấy bất kỳ một mục đích nào khác làm điều kiện cho khả thể của mình** (B396). Câu hỏi đã đi rất xa: không còn là câu hỏi về mục đích hay tính hợp mục đích của những đối tượng riêng lẻ nữa mà về mục đích **tuyệt đối, vô-điều kiện của thế giới**. Liệu năng lực phán đoán phản tư có thể suy tưởng về một mục đích tuyệt đối, vô-điều kiện như thế của sự tồn tại của thế giới?

Ông trả lời: **cũng lại chính con người – với tư cách là hữu thể luân lý – là hiện thân của mục đích tự thân ấy**. Trong trường hợp này, câu trả lời của Kant không còn dựa trên năng lực của con người tự thiết định mục đích và sử dụng những đối tượng tự nhiên như là phương tiện nữa. Chỉ duy có **năng lực luân lý** của con người mới là yếu tố quyết định. Lý giải của Kant bắt đầu ở chỗ con người thừa nhận Quy luật luân lý như là có giá trị vô-điều kiện:

“Về con người (và về bất kỳ hữu thể có lý tính nào ở trong thế giới) với tư cách là một hữu thể **luân lý**, ta không còn tiếp tục đặt câu hỏi: hữu thể ấy tồn tại để làm gì? Sự hiện hữu của con người có bản thân mục đích tối cao ở trong chính mình (...). Nếu những sự vật ở trong thế giới – xét như những hữu thể bị lệ thuộc về mặt hiện hữu – cần đến một nguyên nhân tối cao hoạt động dựa theo những mục đích, thì con người là Mục đích-tự thân của sự Sáng tạo (...). Chỉ có trong con người, và chỉ trong con người với tư cách là chủ thể của luân lý, ta mới bắt gặp sự ban bố quy luật vô-điều kiện đối với mục đích, vì thế, chỉ có sự ban bố quy luật này mới làm cho con người có năng lực trở thành một **Mục đích-tự thân** mà toàn bộ Tự nhiên phải phục tùng theo nghĩa mục đích luận” (B398-399).

Tất nhiên, đây không phải là một khẳng định để có thể kiểm chứng một cách thường nghiệm mà là một **sự phản tư** phác họa một Ý niệm nhất định về Tự nhiên và về vị trí của con người. Nhưng, điều này lại không có nghĩa rằng viễn tượng ấy là vô căn cứ hay là thừa thãi vì nó giúp ta hình dung được thế giới như là một hệ thống của những mục đích:

“Mục đích-tự thân đơn thuần là một khái niệm của lý tính thực hành của chúng ta và không thể được suy ra từ bất kỳ dữ liệu nào của kinh nghiệm cho việc phán đoán lý thuyết về Tự nhiên, và cũng không thể được áp dụng cho việc nhận thức về Tự nhiên. Không thể có được sự sử dụng nào về khái niệm này ngoại trừ việc sử dụng nó cho Lý tính thực hành dựa theo những Quy luật luân lý... (B432).

### 7.3 Từ “Mục đích-tự thân” đến Ý niệm về Thượng đế

Nếu con người – xét như Mục đích tự thân – không phục vụ cho một mục đích nào khác, và nếu sự hiện hữu của con người không tiền-giả định một mục đích nhất định nào, thì năng lực phán đoán **phản tư** lại vẫn tiếp tục có thể đi tiếp để hỏi về nguyên nhân của Mục đích-tự thân này (tức về con người như là hữu thể luân lý)! Đây là cơ sở để nói chung có một Mục đích tự thân? Đây là lý do khiến những hữu thể luân lý lại hiện hữu trong thế giới? Câu hỏi ấy sẽ dẫn lý tính đi đến Ý niệm về Thượng đế.

Nhưng, để lập tức tránh bị ngộ nhận khi triết học lại đi nói về Thượng đế, nên Kant làm rõ ngay rằng Ý niệm này không hàm chứa một lòng tin khả thị nào hết. Khái niệm Thượng đế mang tính triết học là biểu tượng của lý tính về một Hữu thể tối cao ban bố quy luật trong lĩnh vực Tự nhiên lẫn Tự do. Thượng đế như là Ý niệm của lý tính không phải là đối tượng của

ngiên cứu lý thuyết hay đối tượng của kinh nghiệm. Điều quan trọng là Ý niệm ấy cho phép hiểu được sự nhất trí giữa Tự nhiên và Tự do, điều không thể làm được trên bình diện lý thuyết đơn thuần. Ở bình diện lý thuyết, con người chỉ là một hữu thể tự nhiên. Ở bình diện thực hành, con người được suy tưởng như là hữu thể luân lý nhưng xa cách muôn trùng với hữu thể tự nhiên. Chỉ có nỗ lực phản tư của **năng lực phán đoán** mới mở ra được một viễn tượng cao hơn, trong đó hai kích thước này tỏ ra có thể hòa hợp được với nhau. Chính năng lực phán đoán trong chức năng phản tư của nó mới giúp cho triết học không bị phân liệt thành hai lĩnh vực lý thuyết và thực hành không còn tương quan với nhau được nữa. Năng lực phán đoán phản tư cung cấp “viên đá đỉnh vòm” (Schlußstein) để “hoàn tất và giữ vững” tòa nhà triết học, còn đặt tên gọi gì cho “viên đá” ấy là điều không quan trọng.